

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/DS-ST
Ngày: 18 - 4 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bon

Bà Võ Thị Kim Sinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 144/2017/TLST-DS, ngày 03 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thái Thị B, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp H, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Dương Thị Kim L - Văn phòng luật sư Kim L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Bà Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1968

Địa chỉ: ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Châu Bá C, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Long An

(Ông C, bà M có mặt; Luật sư L, ông C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 8 năm 2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 04 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Văn C trình bày:

Vào ngày 06/4/2015 (al), nhằm ngày 23/5/2015 (dl), bà M có vay của bà B số tiền 90.000.000 đồng, không tính lãi, thỏa thuận mỗi ngày bà M phải góp cho bà B 100.000 đồng cho đến khi hết nợ, thời gian bắt đầu góp là tháng 5/2015 (al). Sau khi vay tiền thì bà M không trả tiền theo thỏa thuận. Bà B đã đòi nhiều lần nhưng cho đến nay bà M vẫn không trả tiền cho bà B.

Ngoài số tiền vay 90.000.000 đồng thì bà M còn vay của bà B số tiền 11.000.000 đồng. Nên theo đơn xin tạm ngừng làm hồ sơ mua bán đất của bà B, bà B trình bày bà M còn nợ số tiền 101.000.000 đồng, sau đó ông C có đưa cho bà B 11.000.000 đồng, nên bà M còn nợ bà B 90.000.000 đồng. Do số nợ 11.000.000 đồng đã thanh toán xong nên giấy nợ không còn.

Nay ông là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà M phải trả lại cho bà B số tiền là 90.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Trần Thị Tuyết M trình bày:

Từ năm 2014 bà có vay tiền của bà B nhiều lần, cứ vay 10.000.000 đồng thì góp thành 12.000.000 đồng, mỗi ngày góp 400.000 đồng. Bà vay của bà B rất nhiều phần, sau đó do làm ăn thất bại nên bà không có khả năng góp cho bà B nữa nên vào ngày 06/4/2015 (al), bà có viết giấy nợ bà B số tiền 90.000.000 đồng nhưng đây là số tiền cộng tiền vốn và lãi không phải bà vay bà B số tiền 90.000.000 đồng, bà không nhớ rõ tiền vốn là bao nhiêu.

Sau khi chốt nợ 90.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận mỗi ngày bà phải góp cho bà B số tiền 100.000 đồng cho đến khi hết nợ, thời gian bắt đầu góp là tháng 5 năm 2015, bà có trả tiền góp cho bà B mỗi ngày 100.000 đồng, bà đã trả được 26.000.000 đồng, còn nợ lại 64.000.000 đồng, sau đó bà tiếp tục vay của bà B số tiền 10.000.000 đồng, tổng cộng số nợ bà nợ bà B là 74.000.000 đồng.

Đến ngày 30/6/2015 bà B có đứng ra chơi hụi dùm bà (hụi 3.000.000 đồng/tháng), bà B chơi hụi với bà Huỳnh hốt hụi được 54.000.000 đồng, bà và bà B thỏa thuận lấy số tiền 54.000.000 đồng trừ vào số tiền bà nợ bà B, tiền hụi bà B không có đưa cho bà, bà B có đưa cho bà giấy hụi, sau khi khấu trừ tiền hụi bà chỉ còn nợ bà B số tiền 20.000.000 đồng. Việc chơi hụi bà B tự giao dịch với bà Huỳnh, bà không biết chơi hụi như thế nào, bà B chỉ nói chơi hụi hốt 54.000.000 đồng.

Số tiền hụi 54.000.000 đồng bà đóng lại cho bà B mỗi ngày 100.000 đồng. Bà đã đóng được 16 tháng với số tiền là 48.000.000 đồng, còn nợ lại tiền hụi 6.000.000 đồng. Việc bà trả tiền góp mỗi ngày cho bà B không có giấy tờ gì.

Số tiền bà nợ bà B hiện nay là 26.000.000 đồng.

Vào tháng 01/2016 bà có chuyển nhượng đất cho ông Châu Bá C, sinh năm 1966, địa chỉ: ấp Cầu Ván, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Ngày 29/01/2016 bà Thái Thị B có đơn xin tạm ngừng làm hồ sơ mua bán đất của bà Trần Thị Tuyết M gửi xã A, lý do bà M còn nợ bà số tiền 101.000.000 đồng. Khi đó, ông C thỏa thuận với bà B, ông C có gửi cho bà B 11.000.000 đồng thay cho bà M, bà B sẽ rút đơn. Số tiền ông C đưa cho Bé 11.000.000 đồng không liên quan gì

đến bà, bà không có nợ bà B 101.000.000 đồng theo đơn ngăn chặn của bà B. Khi ông C đưa 11.000.000 đồng cho bà B, bà B đã xóa nợ cho bà.

Nay ông C yêu cầu bà phải trả cho bà B số tiền là 90.000.000 đồng thì bà không đồng ý, bà chỉ đồng ý trả số tiền 26.000.000 đồng nhưng bà yêu cầu góp mỗi ngày 100.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 06/3/2018 ông Châu Bá C trình bày: Vào năm 2016 ông có mua đất của bà M, khi hai bên đang làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân xã A thì bà B có làm đơn ngăn chặn không cho bà M chuyển nhượng cho ông, lý do bà M còn nợ tiền bà B, số tiền bao nhiêu thì ông không biết. Sau đó, giữa ông, bà B, bà M thỏa thuận ông trả thay cho bà M (cho bà M mượn) trả cho bà B số tiền 11.000.000 đồng, rồi bà B rút đơn ngăn chặn. Sau đó ông và bà M đã làm xong thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Số tiền 11.000.000 đồng, ông trả thay cho bà M, nay ông không có yêu cầu gì hết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Luật sư có đơn xét xử vắng mặt nên cần áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người này.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn 90.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 466, 470 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền số tiền 90.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Thái Thị B khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Thị Tuyết M. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Luật sư Dương Thị Kim L và ông Châu Bá C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông C.

[3] Về nội dung vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án theo lời trình bày của các đương sự và căn cứ theo giấy nợ có đủ cơ sở xác định vào ngày 06/4/2015 (al) nhằm ngày 23/5/2015 (dl), bà M có vay của bà B số tiền 90.000.000 đồng, không tính lãi, thỏa thuận mỗi ngày bà M phải góp cho bà B 100.000 đồng cho đến khi hết nợ, thời

gian bắt đầu góp là tháng 5/2015 (al), nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản không lãi và có kỳ hạn.

Nguyên đơn cho rằng sau khi vay tiền bà M không trả tiền theo thỏa thuận, còn bà M thừa nhận giấy nợ do bà viết và còn nợ số tiền 90.000.000 đồng nhưng bà đã trả cho bà B mỗi ngày 100.000 đồng trả được 74.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 26.000.000 đồng.

Xét thấy, sau khi chốt nợ số tiền 90.000.000 đồng vào ngày 6/4/2015, mỗi ngày bà M góp 100.000 đồng, thời gian bắt đầu góp từ tháng 5/2015 (al), bà M cho rằng đã góp đến ngày 30/6/2015 với số tiền 26.000.000 đồng là không có căn cứ, vì mỗi ngày góp 100.000 đồng, thời gian góp chỉ khoảng 02 tháng (từ tháng 5/2015 đến ngày 30/6/2015) thì không góp được số tiền 26.000.000 đồng. Đối với tiền hụi: bà M cho rằng vào ngày 30/6/2015 bà B đứng ra chơi hụi dùm bà (hụi 3.000.000 đồng/tháng) với số tiền hốt hụi là 54.000.000 đồng, trừ vào số tiền bà M nợ bà B, bà M có nghĩa vụ góp lại mỗi ngày 100.000 đồng cho bà B, bà M góp được 48.000.000 đồng tiền hụi, tổng cộng số tiền bà M đã trả cho bà B là 74.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 26.000.000 đồng nhưng bà M không có chứng cứ gì chứng minh, việc chơi hụi cũng không được nguyên đơn thừa nhận nên lời trình bày của bị đơn không có cơ sở chấp nhận.

Đối với số tiền 11.000.000 đồng ông C trả cho bà B: Thấy rằng, vào tháng 01/2016 bà M chuyển nhượng đất cho ông Châu Bá C. Ngày 29/01/2016 bà Thái Thị B có đơn xin tạm ngừng làm hồ sơ mua bán đất của bà M gửi xã A, lý do bà M còn nợ bà B số tiền 101.000.000 đồng. Sau đó, ông C đưa cho bà B số tiền 11.000.000 đồng, bà B rút đơn ngăn chặn. Xét thấy số tiền 11.000.000 đồng ông C trả cho bà B, ông C cũng không có yêu cầu gì, bà M cũng xác định số tiền này đồng không liên quan đến bà, bà cũng thừa nhận sau khi chốt nợ 90.000.000 đồng bà có vay của bà B thêm 10.000.000 đồng. Như vậy có đủ cơ sở xác định số tiền 11.000.000 đồng không liên quan đến số tiền vay 90.000.000 đồng. Bà M cho rằng khi ông C đưa 11.000.000 đồng cho bà B, bà B đã xóa nợ cho bà là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bà M.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho bà Trần Thị Tuyết M phải cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình và cung cấp họ tên những người làm chứng (nếu có) nhưng bà M không cung cấp.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu của bà B là có căn cứ theo quy định tại Điều 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà B buộc bà M phải có nghĩa vụ trả cho bà B 90.000.000 đồng. Bà B không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 90.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị Tuyết M phải chịu án phí theo quy định, cụ thể: 90.000.000 đồng x 5% = 4.500.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị B đối với bà bà Trần Thị Tuyết M về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Trần Thị Tuyết M có nghĩa vụ trả cho bà Thái Thị B số tiền vay 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Tuyết M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.500.000 đồng.

Bà Thái Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Thái Thị B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng là 2.375.000 đồng (số tiền 2.075.000 đồng theo biên lai thu số 0007805 ngày 26 tháng 9 năm 2017 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007977 ngày 12 tháng 12 năm 2017) của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Long An;
- VKS huyện Châu Thành;
- THA huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Long An;
- VKS huyện Châu Thành;
- THA huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

